

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 329/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng Nh, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Thôn Lâu Động, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Số nhà 47, Ngách 112, ngõ 43, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Chị Nh có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Lâu Động, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/9/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Trần Thị Hồng Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn B tự nguyện kết hôn, được UBND xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, ngoài ra anh B còn ngoại tình, nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh B không thay đổi, không quan tâm chăm sóc vợ, con, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị cũng đã trao đổi với bố mẹ chồng, tuy nhiên chị không nhận thấy sự tác động cũng như sự thay đổi từ anh B. Từ tháng 4/2018

chị thuê nhà ở cùng con và sống ly thân với anh B, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Lê Trần Phương L, sinh ngày 25/9/2013, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành vì anh B không quan tâm gì đến con. Chị đang làm nhân viên văn phòng, thu nhập khoảng 7 đến 8 triệu đồng/tháng, đủ để nuôi con nên chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng mà toà án giao. Tuy nhiên, anh không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Nh. Thông qua ông Lê Quang Tỉnh và bà Nguyễn Thị Bảo là bố mẹ đẻ anh B, anh B thể hiện quan điểm là nhất trí ly hôn với chị Nh và đề nghị Tòa án giải quyết theo ý của chị Nh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh B đến toà để trình bày quan điểm của mình, cũng như tham gia phiên họp công khai chứng cứ, nhưng anh B không đến, cũng không có lý do.

Tại bản trình bày ý kiến, cháu Lê Trần Phương L có nguyện vọng xin ở với mẹ vì cháu cho rằng bố chưa quan tâm đến cháu.

Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị B – là bố, mẹ đẻ anh B cho biết: Sau khi kết hôn, chị Nh, anh B chung sống cùng ông bà tại thôn Lâu Động, xã Quang Thành, hạnh phúc đến những năm gần đây thì mâu thuẫn. Anh B, chị Nh hiện không sống cùng nhau, anh B thường xuyên đi làm, thỉnh thoảng về nên ông bà cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Ông bà cũng đã động viên vợ chồng anh B đoàn tụ nuôi dạy con, tuy nhiên tình cảm vợ chồng giữa anh, chị vẫn không thay đổi. Nay chị Nh đề nghị toà án giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh, ông trưởng thôn Lâu Động, xã Quang Thành cho biết: Anh B, chị Nh kết hôn, tổ chức đám cưới theo phong tục, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lâu Động, xã Quang Thành cho đến nay. Tuy nhiên, do anh B, chị Nh đi làm ăn, không thường xuyên ở nhà nên ông không nắm được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh B; xin tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh B đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị Nh ly hôn anh B theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu là Lê Trần Phương L, sinh ngày 25/9/2013 đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh B cấp dưỡng theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh B có nơi đăng ký hộ khẩu tại xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, HĐXX xét xử vắng mặt anh B.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nh và anh B đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Nh, anh B đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài. Quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Bố mẹ đẻ anh B đã động viên, hoà giải để chị Nh và anh B đoàn tụ nhưng không thành. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Nh. Điều đó thể hiện việc anh B không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị Nh sống ly thân với anh B từ tháng 4/2018 đến nay, vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nh, xử cho chị Nh ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 25/9/2013 hiện đang ở cùng chị Nh, có nguyện vọng ở cùng chị Nh, chị Nh có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, có nguyện vọng tiếp tục nuôi con. Quá trình giải quyết vụ

án, anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất, giữ ổn định cho việc học hành cũng như về tâm lý và nguyện vọng của cháu, HĐXX thấy, sau khi vợ chồng ly hôn cần giao cháu L cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành là phù hợp; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nh, anh B đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị Nh, anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hồng Nh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hồng Nh ly hôn anh Lê Văn B.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 25/9/2013 cho chị Trần Thị Hồng Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004035 ngày 22/10/2020, chị Nh đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

